TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2023/QĐST-DS	*TP.T, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 166 T, khóm M, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị B: Ông Võ Trung D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023)

Bị đơn:

1/ Ông Thạch S, sinh năm 1969

2/ Bà Thạch Thị S1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Võ Trung D và ông Thạch S, bà Thạch Thị S1 thỏa thuận thống nhất:

1) Đồng bị đơn ông Thạch S và bà Thạch Thị S1 thừa nhận còn nợ và có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà Lê Thị B tổng số tiền là 74.873.600 đồng (trong đó gốc

60.000.000 đồng và 14.873.600 đồng tiền lãi, lãi từ ngày 01/6/2022 đến ngày 30/8/2023, mức lãi suất 1,66%/tháng).

2) Thời gian và phương thức trả: Hai bên thỏa thuận do cơ quan thi hành án thi hành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.871.840 đồng, bà Lê Thị B phải chịu 935.920 đồng nhưng bà Lê Thị B là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà B được miễn án phí. Ông Thạch S và bà Thạch Thị S1 phải chịu 935.920 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKS ND TP.T;
- Chi cục THA DS TP. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Bích Lộc